

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **161/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 11 - 8 - 2022

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Việt Hòa

2. Ông Nguyễn Văn Cúc

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà
Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên

Ngày 11/8/2022 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1984 - (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, phường L, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm: 1982- (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị Lê Thị T ngày 16/3/2022 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 31/01/2004 tại UBND xã Y, huyện Tĩnh Gia (nay là Phường Y), thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá. Sau khi kết hôn vợ chồng đi làm ăn trong Sài Gòn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian anh H bỏ chị trong Sài Gòn trong lúc chị bụng mang dạ chửa. Gia đình ngoại phải vào đón chị về để sinh nở. Sau đó cũng vì thương con chị đã tha thứ cho anh H để vợ chồng trở lại đoàn tụ lo cho con cái, nhưng cũng chỉ được thời gian anh H lại bỏ mẹ con chị, vợ chồng sống ly thân từ năm 2005 đến 2009 trong thời gian ly thân

anh H có quan hệ ngoài luồng có con với người khác, trong khi đó thì chị nuôi con một mình. Đến năm 2010 vợ chồng lại quay về đoàn tụ với nhau. Đến năm 2014 chị sinh con thứ 2 thì vợ chồng cũng chỉ sống hạnh phúc được 4 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H ghen tuông vô cớ thường xuyên rượu chè, chửi bới, đánh đập chị nhiều lần. Năm 2020 mẹ con chị phải về quê ngoại ở, sau đó anh H cũng theo về. Mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nhất ngày 24/12/2021 anh H đi nhậu về rồi đánh đập chị phải đi nằm viện không đi làm được. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn nên chị làm đơn xin được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 23/9/2004 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 13/01/2014. Hiện nay 02 con đang ở với chị. Hiện cháu Thắng đã gần trưởng thành cháu ở với ai là tùy cháu quyết định. Còn cháu Lê Thị M chị có nguyện vọng nuôi. Về cấp dưỡng, chị T yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy không có lời khai của anh H và không tiến hành hòa giải được. Quá trình giải quyết Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và các giấy triệu tập đương sự, anh Lê văn H và gia đình đã nhận được nhưng anh H vẫn vắng mặt. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng tại UBND xã Y theo quy định.

Tại biên bản xác minh ngày 24/6/2022 bà Trương Thị Hoa là mẹ đẻ anh H trình bày: Anh H là con đẻ, chị T là con dâu của bà. Anh H và chị T lấy nhau từ năm 2004. Sau khi kết hôn anh H và chị T hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn cụ thể thế nào bà không nắm được, nhưng anh H có uống rượu về và tát chị T, hai bên cãi nhau và có đánh chị T, vợ chồng sống ly thân từ tết âm lịch tới nay. Nay chị T làm đơn ly hôn thì tùy hai con quyết định.

Về con chung: Cháu đầu Lê Đức T, cháu thứ hai Lê Thị M. Hai cháu đang ở với chị T.

Về tài sản và công nợ chung: Chị T và anh H không có tài sản chung và công nợ chung.

Tại phiên tòa: Anh H vắng mặt. Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, chị rút yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) Bị đơn thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội

dung: Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS. Điều 24, 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu của chị T, đề nghị Tòa án xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn H. Về con chung: Giao cháu Lê Đức T, sinh ngày 23/9/2004 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 13/01/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa chị T không yêu cầu nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, chị T không được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có) theo quy định. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh H là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Tại phiên tòa anh H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, anh H không quan tâm đến gia đình, không chăm lo cho vợ con, thực hiện hành vi bạo lực gia đình. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không thể hàn gắn được.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị T và anh H sống ly thân hơn từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề

ngợi Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh H biết chị T xin ly hôn nhưng không về Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ, điều đó chứng tỏ anh H cũng không thiết tha đến cuộc sống vợ chồng. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

2.2. *Về con chung*: Chị T và anh H có 02 con chung là Lê Đức T, sinh ngày 23/9/2004 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 13/01/2014. Nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của chị T chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Lâu nay các con ở với chị T, anh H không về giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị T nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Chị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều b khoản 2 Điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đức T, sinh ngày 23/9/2004 và cháu Lê Thị M, sinh ngày 13/01/2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn) mà chị T đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2021/0003406 ngày 16/3/2022. Chấp nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh H vắng mặt, thời hạn kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND Phường Y; TX Nghi Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng